

Bản án số: 04/2021/HS-ST

Ngày 25 - 01 -2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc Lan
2. Ông Trần Phú Yên

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Viết Xuân – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ L số: 70/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST- HS ngày 08 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thu H .Giới tính: Nữ. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 08/01/1983 tại: Thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu 6, xã P, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 1/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không. Bố đẻ: Nguyễn Xuân B (Đã chết). Mẹ đẻ: Lê Thị L, sinh năm: 1956. Hiện trú tại: Khu 6, xã P, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Anh, chị, em ruột: Có 04 người, bị cáo là con thứ hai. Chồng: Đã ly hôn. Có 01 con sinh năm 2011 hiện ở cùng mẹ tại: Khu 6, xã P, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 16/10/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã P, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

+ **Bị hại:** Chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1971

Trú tại: Khu 1, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 04/10/2020, Nguyễn Thị Thu H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 19N1 – 4136, chở con gái là Nguyễn Thanh Trúc, sinh năm 2011 đi từ nhà ở tại khu 6, xã P, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ đến Cửa hàng xăng dầu Hà Thạch thuộc khu Thiện Lợi, xã Hà Thạch, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ để mua xăng. Lúc này, chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1971 trú tại khu 1, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ là nhân viên của Cửa hàng xăng dầu Hà Thạch đang bán xăng. Do có nhiều khách đến mua xăng nên chị T để chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y30 màu xanh của mình tại chân cột bơm dầu để bán hàng. Sau khi H mua xăng xong, cháu Trúc nói với H: “Mẹ ơi, có điện thoại kìa”. Khi nghe cháu Trúc nói, H nhìn thấy chiếc điện thoại của chị T để ở chân cột bơm dầu nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên lúc này có nhiều khách đến mua xăng, nên H ngồi lên xe mô tô mục đích đợi khi không có người thì chiếm đoạt chiếc điện thoại. Sau khi bán xăng cho khách xong, chị T đi vào trong phòng của Cửa hàng để lấy tiền trả lại. Quan sát lúc này không có ai, H đã điều khiển xe mô tô của mình đi đến gần vị trí chân cột bơm dầu, hai chân chống xe để giữ thăng bằng, tay phải giữ tay lái bên phải sau đó cúi người xuống dùng tay trái lấy chiếc điện thoại của chị T lên rồi điều khiển xe mô tô đi về nhà. Sau khi về đến nhà H kiểm tra điện thoại thấy máy cài đặt mật khẩu nên không mở ra sử dụng được. H tắt nguồn chiếc điện thoại rồi giấu vào tủ quần áo trong phòng khách nhà mình. Ngay sau khi chị T quay lại vị trí chân cột bơm dầu thì phát hiện bị mất điện thoại nên đã kiểm tra hình ảnh camera an ninh của Cửa hàng. Sau đó chị đến Công an xã Hà Thạch để trình báo sự việc. Xét thấy vụ việc có dấu hiệu hình sự, Công an xã Hà Thạch chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Thọ giải quyết theo thẩm quyền.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Thọ đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, đồng thời trích xuất đoạn camera an ninh tại Cửa hàng xăng dầu Hà Thạch ghi lại hình ảnh đối tượng trộm cắp điện thoại di động của chị Nguyễn Thị T vào 01 đĩa DVD-R để phục vụ công tác điều tra.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị Thu H tại khu 6, xã P, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ cơ quan điều tra đã tạm giữ: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 19N1 – 4136 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y30 màu xanh để phục vụ công tác điều tra. Ngày 06/10/2020

Nguyễn Thị Thu H đã tự giác giao nộp cho cơ quan điều tra 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 19N1 – 4136.

Ngày 09/10/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Thọ đã yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc điện thoại di động mà H trộm cắp. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 38/2020/KL - ĐGTS ngày 13/10/2020, Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thị xã Phú Thọ xác định giá trị của tài sản là: 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Cơ quan điều tra đã mở đoạn camera ghi lại hình ảnh đối tượng trộm cắp tài sản của chị T cho H xem, H khẳng định người trong hình ảnh đó chính là H. Đồng thời H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Thu H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 03/CT-VKS-TXPT ngày 21/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu H về tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố, công bố bản luận tội, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Thu H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, khoản 1, 2, 5 điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Thị Thu H từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Xác nhận ngày 15/10/2020 Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y30 màu xanh là hợp pháp.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Thu H: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 19N1 – 4136 và 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 19N1 – 4136.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là sai, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại, những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo:

Khoảng 19 giờ ngày 04/10/2020 tại Cửa hàng xăng dầu Hà Thạch thuộc khu Thiện Lợi, xã Hà Thạch, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, Nguyễn Thị Thu H đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y30 màu xanh, đã qua sử dụng. Giá trị tài sản chiếm đoạt là 2.250.000 đồng, tài sản đã được thu hồi, trả lại cho bị hại. Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ căn cứ pháp lý kết luận bị cáo Nguyễn Thị Thu H phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ truy tố bị cáo về tội danh cũng như điều khoản trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.....”.

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Vụ án thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, song hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật B vệ. Hành vi đó còn gây mất trật tự trị an ở địa phương gây tâm L hoang mang cho người có tài sản nên cần phải được xử L nghiêm bằng pháp luật hình sự. Do vậy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, cần xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau:

Về T tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trước lần phạm tội này, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2

Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như các T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại điều 65 Bộ luật hình sự để bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời thể hiện đường lối xét xử hình sự và chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội. Với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ là phù hợp cần chấp nhận.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 điều 173 của Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000 đồng”. Xét thấy, bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập không ổn định, bị cáo có tài sản là chiếc xe mô tô nhưng đây là phương tiện duy nhất để bị cáo đi lại làm ăn và sinh sống hàng ngày nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Xác nhận ngày 15/10/2020 Cơ quan điều tra công an Thị xã Phú Thọ đã trả lại cho chị Nguyễn Thị T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y30 màu xanh là hợp pháp. Sau khi nhận lại tài sản chị T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về vật chứng: Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVOY 30 màu xanh là tài sản của chị Nguyễn Thị T. Ngày 15/10/2020 cơ quan điều tra đã trả lại cho chị T là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 19N1- 4136 cùng đăng ký xe kết quả điều tra xác định ngày 04/10/2020 bị cáo H đã sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện đi lại. Bị cáo đi vào cửa hàng xăng dầu để đổ xăng thì phát hiện chiếc điện thoại di động nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Sau đó bị cáo ngồi nguyên trên xe mô tô, lùi và tiến đến chiếc điện thoại. Do vậy không xác định chiếc xe máy này là phương tiện phạm tội. Mặt khác Cơ quan điều tra đã làm rõ ngày 10/8/2020 bị cáo Nguyễn Thị Thu H mua lại chiếc xe trên với giá 6.000.000đ của chị Lê Thị Thanh Vân trú tại: Khu Ngũ Phúc, xã Hà Thạch, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Quá trình mua bán hai bên viết giấy bán xe và có xác nhận của chính quyền địa phương nên trả lại cho bị cáo chiếc xe này là phù hợp.

Đối với 01 đĩa DVD-R ghi lại hình ảnh đối tượng trộm cắp điện thoại di động của chị Nguyễn Thị T là chứng cứ cần được lưu hồ sơ vụ án.

[7]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề xuất về hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 2,5 điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Thu H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”; phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thu H cho Ủy ban nhân dân xã P, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo H có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong rường hợp bị cáo Nguyễn Thị Thu H vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì áp dụng theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Thu H: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 19N1 - 4136 và 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 19N1 – 4136.

Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận ngày 15/10/2020 Cơ quan điều tra công an Thị xã Phú Thọ đã trả lại cho chị Nguyễn Thị T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y30 màu xanh. Sau khi nhận lại tài sản chị T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

Lưu hồ sơ vụ án: 01 đĩa DVD-R ghi lại hình ảnh đối tượng trộm cắp điện thoại di động của chị Nguyễn Thị T.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh PT;
- VKSND thị xã Phú Thọ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Công an thị xã Phú Thọ;
- Cơ quan THAHS
- Chi cục THADS thị xã Phú Thọ;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã P;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS+VP.

(Đã ký)

Trần Thị Ngọc Hà